



## ĐIỀU CHỈNH CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI CỦA EU

### SAU KHỦNG HOẢNG VÀ SUY THOÁI KINH TẾ TOÀN CẦU –

### NHỮNG TÁC ĐỘNG TỚI HÀNG XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM VÀO EU

Ths. Hoa Hữu Cường

*Viện Nghiên cứu Châu Âu*

**Tóm tắt:** Cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu năm 2008 đã tạo ra những biến động lớn trên toàn thế giới trong những năm gần đây như: chủ nghĩa bảo hộ thương mại gia tăng, xu thế hình thành và gia tăng các khu vực mậu dịch tự do (FTA), sự chi phối ngày càng lớn của nhóm nước mới nổi (BRICS) đối với kinh tế thế giới... Liên minh Châu Âu (EU) là khu vực chịu ảnh hưởng nặng nề của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế năm 2008, và phải có những điều chỉnh cần thiết trong chính sách thương mại của mình nhằm thích ứng hơn với bối cảnh hiện nay. Việc EU điều chỉnh chính sách thương mại của mình đã có những tác động đáng kể đến hàng xuất khẩu của Việt Nam.

**Từ khóa:** điều chỉnh, hợp tác, chính sách thương mại, xuất khẩu, EU, Việt Nam.

Trong quan hệ kinh tế quốc tế, thương mại luôn là lĩnh vực chiếm vị trí ưu tiên hàng đầu, được tất cả các bên quan tâm tham gia với nhiều biện pháp thúc đẩy phát triển khác nhau. Việc thực thi các chính sách thương mại tạo điều kiện cho sự phát triển ổn định của hoạt động thương mại luôn được các nhà lập chính sách quan tâm, đặc biệt là những nước lớn như EU. Với xu hướng tự do hóa đang diễn ra trên toàn cầu và do tác động từ sau cuộc khủng hoảng tài chính, việc EU điều chỉnh các chính sách thương mại theo hướng cởi mở hơn đang trở thành điều tất yếu. Tuy nhiên có một thực tế rằng, các nước công nghiệp phát triển trong đó có EU, một

mặt luôn đi đầu trong việc đòi hỏi đàm phán để mở rộng thị trường và thúc đẩy tự do hóa thương mại, mặt khác lại luôn đưa ra các biện pháp tinh vi hơn và các rào cản phức tạp hơn để bảo hộ sản xuất trong nước của họ, nhất là sau khủng hoảng tài chính năm 2008. Điều đó đòi hỏi các nước theo đuổi chiến lược phát triển dựa vào xuất khẩu, trong đó có Việt Nam, vừa phải có sự hiểu biết về các điều chỉnh chính sách thương mại của các nước phát triển và những quy định của WTO, vừa phải vượt qua được những rào cản thương mại ngày càng tinh vi và phức tạp của các nước này.

**1. Những điều chỉnh trong chính sách thương mại của EU sau khủng hoảng và suy thoái kinh tế toàn cầu**

*1.1. Bối cảnh ảnh hưởng đến việc điều chỉnh chính sách thương mại của EU sau khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu*

*1.1.1. Chủ nghĩa bảo hộ thương mại gia tăng sau khủng hoảng tài chính*

Do khủng hoảng kinh tế, rào cản thương mại dường như đang được dựng lên ở khắp mọi nền kinh tế. Năm 2009, thế giới đã có từ 230 đến 250 vụ điều tra chống bán phá giá, tăng khoảng 20% so với năm 2008. Từ tháng 9-2008 đến tháng 3-2009, các nước thành viên WTO đã đưa ra tới 211 biện pháp bảo hộ, bất chấp những cam kết tại hội nghị G.20 cũng như các diễn đàn chống bảo hộ thương mại (BHTM). Từ tháng 9 đến tháng 11-2009, trong số 10 nước thuộc G.20, mỗi nước đã phải chịu không dưới 20 biện pháp bảo hộ từ các nước khác (nhiều nhất là Trung Quốc với 47 biện pháp, Mỹ là 32, Đức là 21)<sup>1</sup>. Điều đáng chú ý là BHTM đang biến hóa không ngừng và có xu hướng "đổi đầu".

*1.1.2. Suy giảm mạnh thương mại của EU sau khủng hoảng tài chính*

Khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế xảy ra làm cho thương mại toàn cầu suy giảm. Điều này gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến thương mại của toàn EU. Thâm hụt

thương mại trong tháng 9/2008 của 15 quốc gia trong khu vực Eurozone với các thị trường khác đã giảm mạnh, từ 9,4 tỉ Euro (11,9 tỉ USD) trong tháng 8/2008 xuống 5,6 tỉ Euro (7,1 tỉ USD), song vẫn cao hơn mức dự đoán 5 tỉ Euro của các nhà phân tích. Tính đến tháng 8/2009, theo số liệu của Eurostat, trong 7 tháng đầu năm 2009, EU tiếp tục nhập siêu với kim ngạch xuất khẩu đạt 620,8 tỉ Euro, giảm 20% so với cùng kỳ năm ngoái và kim ngạch nhập khẩu đạt 689,8 tỉ Euro, giảm 25%<sup>2</sup>.

*1.1.3. Gia tăng các hiệp định thương mại tự do*

Trước cuộc khủng hoảng, ta thường nghe đến vòng đàm phán đa biên Doha để thúc đẩy tự do hóa thương mại theo các tiêu chuẩn của Tổ chức thương mại thế giới (WTO). Nay có thể nói vòng Đàm phán Doha đã chết hay chỉ "sống thực vật" mà thay vào đó là các cuộc đàm phán để hình thành các khu vực mậu dịch tự do trên khắp thế giới. Hiện nay có 3 vòng cung lớn mậu dịch tự do đang hình thành là TPP (giữa Mỹ, các nước Nam Mỹ, Đông Á trong đó có Việt Nam, Nhật và có thể Trung Quốc cũng sẽ tham gia); Mỹ và EU gọi là FTA xuyên Đại Tây Dương (TTIP) và RCEP (Cơ chế hợp tác toàn diện Đông Á).

*1.1.4. Sự trỗi dậy mạnh mẽ của nhóm BRICS sau khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu*

<sup>1</sup> Đặng Linh, *Bảo hộ mậu dịch gia tăng: Vấn nạn kinh tế mới*, <http://vietnamnet.vn/vn/kinh-te/vcf/76829/bao-ho-mau-dich-gia-tang.html>. Tài ngày 25/11/2013.

<sup>2</sup> Thương vụ Việt Nam tại EU và Bỉ - Luxembourg, *Tình hình kinh tế-thương mại EU năm 2009*, [www.euvietnam.com/vi/news/detail/0/16631?cateid=1782](http://www.euvietnam.com/vi/news/detail/0/16631?cateid=1782), tài ngày 25/11/2013.

Trong thời gian gần đây, vị thế của BRICS trong nền kinh tế thế giới đã tiếp tục tăng mạnh do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 và cuộc khủng hoảng nợ công hiện nay ở châu Âu. Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 đã làm suy sụp nền tài chính của các nước phát triển nhưng lại không tác động gì nhiều tới nền tài chính của các nước thành viên BRICS. Khối BRICS (hiện chiếm tới 40% dân số thế giới, nắm giữ gần 20% GDP thế giới và 50% dự trữ ngoại tệ và vàng của thế giới và khoảng 20% thương mại của nền kinh tế toàn cầu) trong những năm trở lại đây thường xuyên đưa ra các yêu cầu phải thay đổi mô hình cấu trúc tài chính thế giới hiện nay<sup>3</sup>. Chính điều này buộc EU phải có những điều chỉnh trong chính sách thương mại của mình với BRICS.

## ***1.2. Những nội dung chủ yếu trong chính sách thương mại của EU trước khủng hoảng***

Về bản chất, chính sách thương mại của Liên minh Châu Âu có thể chia thành hai loại chính sách riêng biệt bao gồm: *Chính sách Thương mại Nội khối* và *Chính sách Thương mại Chung EU* tức là chính sách thương mại của EU.

### ***1.2.1. Chính sách thương mại nội Khối***

Trong quá trình hình thành và phát triển, chính sách thương mại nội Khối của EU tập

trung vào việc xây dựng và vận hành thị trường chung châu Âu với các nội dung:

+ *Tự do lưu chuyển hàng hoá*: quy định: (1) Xóa bỏ hoàn toàn mọi loại thuế quan đánh vào hàng hoá xuất nhập khẩu giữa các nước thành viên; (2) Xóa bỏ hạn ngạch (quota) áp dụng trong thương mại nội khối; (3) Xóa bỏ tất cả các biện pháp tương tự hạn chế về số lượng; và (4) Xóa bỏ tất cả các rào cản về thuế giữa các nước thành viên.

+ *Tự do đi lại và cư trú trên toàn lãnh thổ Liên minh*: quy định: (1) Tự do đi lại về mặt địa lý; (2) Tự do di chuyển để tìm việc làm ở lãnh thổ các nước thành viên khác; (3) Quyền được làm việc trên lãnh thổ EU; (4) Quyền sinh sống ở nước thành viên khác.

+ *Tự do lưu chuyển dịch vụ*: Việc lưu chuyển tự do của dịch vụ có thể được thực hiện theo những cách sau: (1) Tự do cung cấp dịch vụ; (2) Tự do hưởng các dịch vụ; (3) Tự do chuyển tiền bằng điện tín; và (4) Công nhận lẫn nhau các văn bằng.

+ *Tự do lưu chuyển vốn*: Trong một thời gian dài, thương mại tự do về hàng hoá và dịch vụ sẽ không thể duy trì được nếu vốn không được lưu chuyển tự do và được chuyển tới nơi nó được sử dụng một cách có hiệu quả kinh tế nhất.

### ***1.2.2. Chính sách thương mại chung***

Chính sách thương mại chung của EU được xây dựng qua một quá trình phát triển lâu dài để đảm bảo tăng cường tính liên kết giữa các thành viên EU. Cho đến nay, chính sách thương mại này đã được hoàn thiện và

<sup>3</sup> Pepe Escobar, *The Rise of the BRIC Countries*, [www.motherjones.com/politics/.../rise-of-bric-countries](http://www.motherjones.com/politics/.../rise-of-bric-countries), tải ngày 25/11/2013.

cơ sở pháp lý cho Chính sách Thương mại Chung EU là Điều 133 của Hiệp ước về Cộng đồng Châu Âu<sup>4</sup>.

### **Nguyên tắc hoạt động của chính sách thương mại chung**

(1) Thực hiện chế độ quản lý nhập khẩu dựa trên nguyên tắc của WTO; (2) EU vừa chủ động thực hiện tự do hoá thương mại, vừa bảo hộ nội địa trong nhằm bảo vệ các ngành công nghiệp của mình trước các đối thủ cạnh tranh; (3) EU áp dụng chính sách nông nghiệp chung CAP và chính sách thủy sản chung CFP nhằm bảo hộ sản xuất nông nghiệp; (4) EU kết hợp những chính sách đa phương khu vực và song phương trong các mối quan hệ kinh tế thương mại; (5) Áp dụng hệ thống thuế quan phổ cập dành cho các nước đang phát triển.

### **Các công cụ trong chính sách thương mại chung**

#### *Biểu thuế quan chung (CCT)*

Biểu thuế quan chung được áp dụng cho tất cả các nước thành viên EU. Thuế suất phụ thuộc vào loại hàng và xuất xứ của hàng hoá nhập khẩu, được xây dựng trên nguyên tắc: Những mặt hàng trong nước chưa sản xuất được, hoặc sản xuất không đủ, hoặc cần thiết để phát triển những ngành sản xuất trong nước sẽ được miễn thuế hoặc hưởng thuế suất thấp; Ngược lại, những mặt hàng trong nước đã sản xuất đủ hay để khuyến khích trong nước tự sản xuất sẽ phải chịu thuế suất

cao. Biểu thuế quan chung của EU có các mức thuế khác nhau: Nhóm thứ nhất áp dụng đối với nhập khẩu từ các nước có thực hiện quy chế tối huệ quốc (MFN); Nhóm thứ hai là thuế quan ưu đãi, áp dụng đối với hàng nhập khẩu từ các nước đang phát triển, được hưởng đơn thuần ưu đãi GSP của EU; Nhóm thứ ba, được gọi là thuế quan đặc biệt, thực hiện đối với hàng nhập khẩu từ các nước đang phát triển được hưởng ưu đãi GSP kèm với những ưu đãi theo các hiệp định song phương.

#### *Chính sách chống bán phá giá*

Quy chế chống phá giá quy định việc áp dụng thuế chống bán phá giá và chỉ được áp dụng thuế này trong các điều kiện:

- Có phát hiện bán phá giá: giá xuất khẩu của sản phẩm trên thị trường EU thấp hơn giá bán tại thị trường của nhà xuất khẩu.

- Có tổn hại vật chất cho doanh nghiệp của EU: hàng nhập khẩu gây ra hoặc đe dọa gây tổn thất cho phần lớn ngành kinh doanh EU.

- Lợi ích của EU: chi phí mà EU bỏ ra để thực hiện các biện pháp không được tỉ lệ nghịch với lợi ích thu được.

Sau khi các mức giá xuất khẩu và giá thông thường đã được xác định thì chúng được so sánh với nhau để xác định mức phá giá. Luật pháp của EU cho phép thực hiện điều chỉnh đối với các mức chênh lệch liên quan đến công dụng của các sản phẩm, thuế nhập khẩu, các loại thuế gián tiếp, các chi phí bán hàng như vận chuyển và tiền trả hoa

<sup>4</sup> Article 133. *The European Community Treaty (ECT)*.

hồng. Sau khi xác định được mức bán phá giá và mức độ tổn hại đối với các ngành sản xuất nội địa, EU áp dụng các mức thuế chống phá giá hoặc chấp nhận đề nghị từ phía người xuất khẩu.

*Các biện pháp bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng của Liên minh Châu Âu*

Một đặc điểm nổi bật trên thị trường EU là quyền lợi của người tiêu dùng được bảo vệ nghiêm ngặt. Để đảm bảo quyền lợi cho người tiêu dùng, EU tiến hành kiểm tra các sản phẩm ngay từ nơi sản xuất và có các hệ thống báo động giữa các nước thành viên, đồng thời bãi bỏ việc kiểm tra các sản phẩm ở biên giới. EU đã thông qua những quy định bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng về độ an toàn chung của các sản phẩm được bán ra, các hợp đồng quảng cáo, bán hàng tận nhà, nhãn hiệu, v.v. các tổ chức chuyên nghiên cứu đại diện cho giới tiêu dùng sẽ đưa ra các quy chế định chuẩn quốc gia hoặc châu Âu.

*Biện pháp phi thuế quan của EU bao gồm:* Hạn ngạch; Giấy phép nhập khẩu; Cấm nhập khẩu mục đích; Các biện pháp tự vệ của EU; Hạn chế xuất khẩu tự nguyện; Quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật bao gồm: Tiêu chuẩn về chất lượng: EU áp dụng tiêu chuẩn ISO 9000; Tiêu chuẩn về vệ sinh thực phẩm (HACCP); Tiêu chuẩn an toàn cho người sử dụng; quy định về ký mã hiệu là yêu cầu quan trọng hàng đầu đối với hàng hoá lưu thông trên thị trường EU; Bảo vệ môi trường: EU quy định hàng hoá có liên quan đến dân hàng hoá theo quy định nhân sinh thái, nhân tái sinh và có chứng chỉ; Tiêu

chuẩn về lao động: Cấm nhập khẩu hàng hoá mà trong quy trình sản xuất sử dụng những lao động bị cấm: lao động cưỡng bức, lao động tù nhân, lao động trẻ em.

*1.2.3. Chính sách ưu tiên cho các nước khu vực*

Chính sách ưu tiên cho các nước và khu vực thuộc thế giới thứ ba với những quy định tương đối tự do. Các hàng hoá từ khối này thường được miễn, giảm thuế và không cần giấy phép nhập khẩu, trừ một số mặt hàng nhạy cảm như nông sản, thuốc lá, vũ khí và các sản phẩm bị kiểm soát, hạn chế định lượng hay các biện pháp tự vệ. Cùng với những quy định chung đối với nhập khẩu từ các nước thuộc thế giới thứ ba, để hỗ trợ các nước đang phát triển và kém phát triển thu hẹp khoảng cách với các nước công nghiệp, EU đã áp dụng Hệ thống Ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP) từ năm 1971. Quy tắc này đảm bảo hàng hóa xuất khẩu từ các nước đang phát triển chỉ phải chịu mức thuế thấp hơn trên một số hoặc tất cả những gì họ bán cho EU. Điều này cho phép các nước đang phát triển có cơ hội tiếp cận thị trường EU, góp phần vào sự tăng trưởng nền kinh tế của họ.

*1.3. Một số điều chỉnh trong chính sách thương mại của EU sau khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu*

Ngày 09/11/2010, Ủy ban Châu Âu đã công bố báo cáo "*Trade, Growth and World Affairs*". Đây có thể được coi là phác thảo về chính sách thương mại mới của EU nhằm phục hồi nền kinh tế châu Âu. Mục tiêu bao

trùm là nhằm có một cách tiếp cận quyết đoán hơn, đảm bảo lợi ích thương mại cho các công dân châu Âu. Để thực hiện những tham vọng kể trên, EC đã đề ra một kế hoạch khả chi tiết những việc cần thực hiện trong thời gian tới, cụ thể:

### *1.3.1. Các công việc cần phải tiến hành để triển khai chính sách thương mại mới*

- Theo đuổi chương trình đàm phán của EU nhằm mục đích kết thúc vòng đàm phán Doha - một vấn đề cấp bách;

Thành lập một nhóm những cá nhân xuất sắc từ các nước phát triển và đang phát triển để có được những khuyến nghị độc lập nhằm giúp hình thành quan điểm của EU về chương trình nghị sự trong tương lai và chức năng của WTO hậu Doha;

- Tạo ra tiến bộ đáng kể đối với các cuộc đàm phán thương mại song phương đang diễn ra, khởi động những cuộc đàm phán thương mại mới với các nước ASEAN và đề xuất các cuộc đàm phán độc lập về đầu tư với các đối tác quan trọng;

- Theo đuổi các cuộc đàm phán với các nước láng giềng của EU hướng tới mục đích cuối cùng là ký kết các FTA toàn diện và sâu sắc với tất cả các quốc gia láng giềng, tiến gần hơn tới nhất thể hóa thị trường;

- Làm sâu sắc hơn quan hệ của EU với các đối tác chiến lược;

- Cụ thể hóa kế hoạch nâng cấp mối quan hệ với các đối tác chiến lược của EU nhằm giải quyết các vấn đề gây trở ngại cho

việc thị trường hoạt động tốt hơn trong thế kỷ 21.

### *1.3.2. Điều chỉnh hệ thống ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP)*

Tư tưởng này đã được thể hiện rất rõ trong Dự thảo của Ủy ban Châu Âu (EC): Giảm số lượng nước được hưởng GSP, EC sẽ gạt một số nước ra khỏi danh sách được hưởng ưu đãi thuế quan, đó là:

1. Các nước đã được Ngân hàng Thế giới xếp hạng là có thu nhập bình quân đầu người cao hay trên trung bình trong ba năm trước thời điểm xem xét lại danh sách được hưởng GSP (trước 01/01 hàng năm). Theo quy định này thì các nước như: Kuwait, Saudi Arabia, Nga, Qatar... sẽ không được hưởng GSP nữa.

2. Các nước đã được hưởng ưu đãi vào thị trường EU theo các thoả thuận khác có mức thuế nhập khẩu vào EU bằng hoặc thấp hơn mức thuế GSP thì cũng không hưởng GSP nữa. Các nước này là các nước đã có Hiệp định về Thương mại tự do (FTA), Hiệp định về Đối tác Kinh tế (EPA) hoặc chế độ thương mại đặc biệt như đối với các nước trên bán đảo Balcan.

Để tập trung hơn nữa cho các nước "cần được hưởng GSP", Dự thảo có một số sửa đổi về cơ chế "trưởng thành". "Trưởng thành - graduation" có nghĩa là việc nhập khẩu vào EU các sản phẩm thuộc một "Mục -section" nào đó của Biểu thuế có xuất xứ từ một nước được hưởng ưu đãi GSP sẽ không được hưởng ưu đãi GSP nữa, nếu tổng nhập khẩu

hàng hóa vào EU thuộc mục đích của quốc gia đó vượt quá tỉ lệ do EU ấn định so với tổng nhập khẩu hàng hóa tương tự được hưởng GSP của EU.

### *1.3.3. Chính sách chống bán phá giá*

EU đã thay đổi một số yếu tố quan trọng trong quy trình điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp đối với hàng hóa nước ngoài nhập khẩu vào EU sau khủng hoảng tài chính. Cụ thể:

Tăng cường thẩm quyền của Ủy ban Tư vấn về chống bán phá giá/chống trợ cấp: Ủy ban này sẽ có quyền bác bỏ Đề xuất áp thuế chống bán phá giá của Ủy ban Châu Âu với đa số phiếu đặc biệt (đối với Đề xuất áp dụng biện pháp Tạm thời) hoặc đa số phiếu thông thường (đối với Đề xuất áp dụng biện pháp Chính thức) thay vì chỉ có quyền đưa ý kiến tham khảo như hiện tại;

- Tăng quyền quyết định cho Ủy ban Châu Âu: Ủy ban Châu Âu vừa là cơ quan điều tra vừa là cơ quan có quyền quyết định việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp thay vì chỉ có quyền điều tra và đưa ra đề xuất đề Hội đồng Châu Âu quyết định.

Với những thay đổi quan trọng này, dường như EU đang đi theo hướng tăng cường tính kỹ thuật trong khi giảm yếu tố chính trị trong cơ chế ra quyết định.

### *1.3.4. Hiệp định thương mại tự do (FTA) với các đối tác*

Chính sách thương mại của Liên minh Châu Âu, đặc biệt chính sách liên quan đến

các hiệp định thương mại tự do (FTA), đang trong quá trình chuyển đổi do những thay đổi gần đây trong quản trị kinh tế quốc tế, cũng như bế tắc trong đàm phán đa phương trong khuôn khổ WTO và cuộc khủng hoảng tài chính kinh tế bùng nổ năm 2008. Quan điểm hiện nay của EU với các quốc gia đang phát triển là muốn FTA thay thế cho Hệ thống Ưu đãi Thuế quan phổ cập (GSP) và các hiệp định với khu vực ACP (châu Phi, Caribe và Thái Bình Dương), trong đó, tính có đi có lại trong quan hệ với các nước phát triển là một thành tố quan trọng trong các FTA mới của EU. Đáng chú ý, EU cũng đang đặt ASEAN và Đông Á trong chiến lược thương mại của mình. Rà soát các FTA mà EU ký gần đây cho thấy chúng đều có mức độ mở cửa thị trường hàng hóa và dịch vụ mạnh mẽ bên cạnh những nội dung thương mại và phi thương mại như cạnh tranh, sở hữu trí tuệ, lao động, môi trường.

### *1.3.5. Tăng cường các rào cản phi thuế quan*

Cụ thể, năm 2009, Luật Hoá chất Reach đã có hiệu lực, việc sử dụng bất kỳ hoá chất nào đều phải đăng ký và nghiên cứu tác động của hoá chất. Đồng thời quy định về IUU (chống đánh bắt cá bất hợp pháp, không khai báo và không quản lý) cũng đã được áp dụng từ tháng 6/2009, yêu cầu giấy phép đánh bắt với các sản phẩm hải sản, tạo thêm thủ tục hành chính cho việc xuất khẩu. Ngày 13/1/2009, Nghị viện Châu Âu đã thông qua Luật Hạn chế sử dụng các loại thuốc trừ sâu có chất gây ung thư và nguy hiểm về mặt

sinh học. Từ tháng 3/2013, Liên minh Châu Âu áp dụng luật định FLEGT (Tăng cường luật pháp, quản lý và thương mại lâm sản) khi nhập khẩu các sản phẩm gỗ.

## 2. Những tác động từ việc điều chỉnh chính sách thương mại của EU sau khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu tới hàng xuất khẩu của Việt Nam

Khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động thương mại của EU. Để ứng phó với tình hình mới, EU đã có những động thái điều chỉnh một số nội dung trong chính sách thương mại của mình. Những điều chỉnh này đã tác động đáng kể đến hoạt động xuất khẩu của Việt Nam vào EU trên một số mặt.

### 2.1. Tác động tới kim ngạch xuất khẩu

Trao đổi thương mại hai chiều Việt Nam - EU trong năm 2009 đã bị suy giảm 6,67% so với năm 2008 (đạt 15,2 tỉ USD), trong đó xuất khẩu của Việt Nam vào EU đạt 9,38 tỉ USD, giảm 13,57%. Đức, Anh, Pháp, Hà Lan là những thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam trong EU có tốc độ tăng trưởng trung bình 20%/năm trong những năm vừa qua, song năm 2009 cũng đã suy giảm. Cụ thể, năm 2009, Việt Nam xuất khẩu vào Đức đạt 1,88 tỉ USD, giảm 10% so với 2008; xuất khẩu vào Anh đạt 1,33 tỉ USD, giảm 10%; xuất khẩu vào Hà Lan đạt 1,33 tỉ USD, giảm 10,5%. Các mặt hàng chủ lực của Việt Nam xuất khẩu vào EU vẫn là những mặt hàng truyền thống như giấy da, dệt may, cà phê hạt xanh, đồ gỗ, hải sản (chiếm 80%

kim ngạch toàn bộ các mặt hàng xuất vào EU). Do bị áp thuế chống bán phá giá 10% và không được hưởng ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP) cùng với ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam vào EU năm 2009 là giấy da đã bị suy giảm tới 22% so với năm 2008 (đạt 1,94 tỉ USD). Ngay như cà phê là mặt hàng xuất khẩu khá ổn định về số lượng, nhưng do giá thế giới biến động nên năm 2009 giá trị xuất khẩu cà phê Việt Nam vào EU cũng giảm 18%... Các nhóm hàng khác có mức tăng trưởng xuất khẩu khác vào EU các năm trước như cao su thiên nhiên, sản phẩm nhựa, máy vi tính, đồ điện tử, hàng tạp phẩm, đồ chơi trẻ em, than đá, hạt tiêu, hạt điều... năm 2009 cũng đã giảm mạnh từ 20%-30%<sup>5</sup>.

Sau năm 2009, EU tiếp tục đẩy mạnh các rào cản kỹ thuật như tăng cường thực hiện Luật Hóa chất (REACH), IUU (yêu cầu giấy phép đánh bắt cá đối với sản phẩm hải sản), đồng thời triển khai Luật Nghề rừng (FLEGT - yêu cầu có chứng chỉ rừng, nguồn gốc khai thác gỗ và khai thác rừng bền vững đối với mặt hàng đồ gỗ). Điều này đã gây ra ít nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam vào EU, nhưng thật bất ngờ kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU tăng trở lại với 11.39 tỉ USD (năm 2010), 16.55 tỉ USD (năm 2011), 20,3 tỉ USD (năm

<sup>5</sup> Thủy Ngân, 4 “rào cản” lớn của Việt Nam khi xuất khẩu vào EU, <http://www.infovt.vn/xuat-nhap-khau/thi-truong-xnk/44058-4-rao-can-lon-cua-viet-nam-khi-xuat-khau-vao-eu>. Truy cập ngày 25/11/2013



2012), 9 tháng đầu năm 2013 đạt 17,81 tỉ USD tương ứng với tốc độ tăng 21%, 45%, 22,7%. Nguyên nhân có thể là: Thứ nhất, do khủng hoảng kinh tế tài chính, người tiêu dùng EU có xu hướng quay lại dùng các sản phẩm hàng hóa có giá hợp lý trong khi các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam vào châu Âu chủ yếu vẫn là các mặt hàng nông, lâm, thủy sản, là nhóm mặt hàng xuất khẩu có mức tiêu thụ khá ổn định; Thứ hai,

do các sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam vẫn được hưởng GSP của EU; Thứ ba, đối với các tiêu chuẩn, quy định khắt khe của EU nhằm bảo vệ sức khỏe con người, môi trường, các doanh nghiệp Việt Nam hầu hết đã chuẩn bị và đáp ứng được; Thứ tư, EU vẫn đang đẩy mạnh hoạt động hợp tác kinh tế, thương mại và mở rộng thị trường xuất khẩu cho hàng hóa của Việt Nam trong điều kiện hiện nay.

### **Tình hình xuất nhập khẩu Việt Nam-EU giai đoạn 2008-2012**

Đơn vị tính: Tỉ USD

| Năm  | Xuất khẩu sang EU |             | Nhập khẩu từ EU |             | Cán cân thương mại |             |
|------|-------------------|-------------|-----------------|-------------|--------------------|-------------|
|      | Kim ngạch         | % tăng giảm | Kim ngạch       | % tăng giảm | Kim ngạch          | % tăng giảm |
| 2008 | 10.9              | 119.78      | 5.5             | 107.84      | 5.4                | 135.0       |
| 2009 | 9.4               | 86.23       | 5.8             | 105.45      | 3.6                | 66.67       |
| 2010 | 11.4              | 121.27      | 6.4             | 110.34      | 5.0                | 138.89      |
| 2011 | 16.5              | 144.73      | 7.7             | 120.31      | 8.8                | 176.0       |
| 2012 | 20.3              | 123.03      | 8.8             | 114.28      | 11.5               | 130.68      |

*Nguồn: Tổng cục Thống kê*

#### **2.2. Tác động tới cơ cấu mặt hàng xuất khẩu**

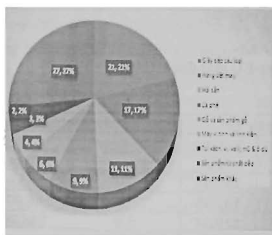
Qua nghiên cứu các hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam - EU những năm gần đây có thể nhận thấy rằng, tác động trực tiếp của việc EU điều chỉnh chính sách thương mại sau khủng hoảng tài chính tới cơ cấu mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam là có nhưng không lớn, chủ yếu biểu hiện ở sự thay đổi cơ cấu sản phẩm và tỉ trọng các mặt hàng xuất chủ lực trong tổng kim ngạch xuất khẩu sang EU. Cụ thể: Năm 2009, các sản phẩm chủ lực của Việt Nam sang EU là giấy

dép chiếm 21,21%; dệt may - 17,7%; thủy sản - 11,11%; cà phê - 9,9%; gỗ - 6,6%, máy tính và linh kiện - 4,4%; túi xách - 3,3%; sản phẩm từ chất dẻo - 2,2%, các sản phẩm khác - 27,27%. Năm 2010, các mặt hàng chủ lực của Việt Nam xuất sang EU bao gồm: giấy dép - 19,6%, dệt may - 16,5%, thủy sản - 10%, cà phê - 6,1%, gỗ - 5,5%, máy tính và linh kiện - 5,1%, túi xách - 3,1%, sản phẩm từ chất dẻo - 2,4%, sản phẩm khác - 31,8%. Năm 2011, các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang EU bao gồm: Xơ, sợi dệt các loại - 17,2%; túi xách - 15,6%; sản

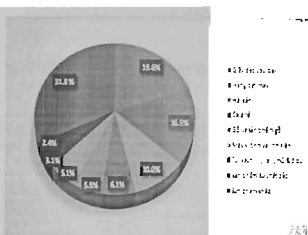
phẩm từ cao su - 15,2%; sắt thép - 6,2%; sản phẩm từ sắt thép - 6,2%; sản phẩm từ chất dẻo - 4,7%; sản phẩm mây tre đan - 3,6%; sản phẩm gốm sứ - 2,6%, sản phẩm khác - 26,8%. Năm 2012, các sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam vào EU

bao gồm: điện thoại và linh kiện - 27%; giấy dếp - 12,9%; dệt may - 11,9%; máy tính và linh kiện - 7,2%; cà phê - 6,2%; thủy sản - 5,5%; gỗ và sản phẩm gỗ - 3% ; máy móc thiết bị dụng cụ - 2,9%; các sản phẩm khác - 23,3%.

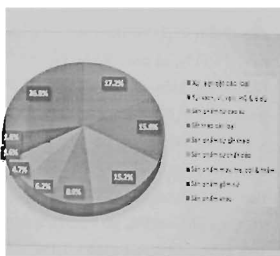
### Cơ cấu các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang EU trong các năm



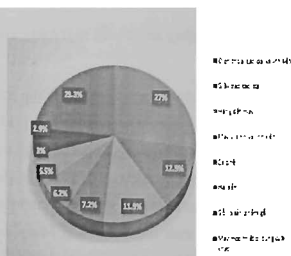
Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2009



Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2010



Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2011



Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2012

## Kết luận

Cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu năm 2008 đã tạo ra nhiều biến đổi lớn trong quan hệ kinh tế thương mại toàn cầu như: chủ nghĩa bảo hộ gia tăng, xu hướng tăng cường các hiệp định thương mại song phương FTA, sự chi phối ngày càng lớn của nhóm BIRCS đến thương mại toàn cầu. Những biến đổi này buộc các khu vực và các nước trên thế giới phải có những điều chỉnh trong chính sách phát triển của mình mà trong đó chính sách thương mại là một trọng tâm. Liên minh Châu Âu là một khu vực bị ảnh hưởng nặng nề bởi cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008 và nay lại đang hứng chịu rất nhiều tổn thất bởi cơn bão nợ công, là khu vực tích cực nhất trong việc điều chỉnh chính sách thương mại của mình biểu hiện bằng việc: Điều chỉnh chính sách phổ cập thuế quan (GSP) theo hướng cắt giảm các nước và khu vực được hưởng ưu đãi thuế; Điều chỉnh chính sách chống bán phá giá theo hướng tăng thẩm quyền cho EU; Điều chỉnh FTA theo hướng muốn FTA thay thế dần GSP áp dụng cho các nước và khu vực kém phát triển, đẩy mạnh FTA với ASEAN và Đông Á; Gia tăng các rào cản thương mại bằng việc áp dụng các đạo luật như: luật Hoá chất Reach, luật IUU, luật định FLEGT. Những điều chỉnh trong chính sách thương mại của EU đã tác động đến khả năng xuất khẩu của các nước và khu vực trên thế giới vào thị trường EU, trong đó hàng xuất khẩu của Việt Nam cũng bị ảnh hưởng nhưng mức độ ảnh hưởng là không lớn. Tuy kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào EU trong năm 2009 có giảm, nhưng từ năm 2010

kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào EU luôn tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước, EU vẫn là đối tác thương mại lớn nhất và là thị trường xuất khẩu trọng điểm trong chiến lược thương mại của Việt Nam.

## Tài liệu tham khảo

1. Bộ Công thương, *Sổ tay thông tin về quy định SPS và TBT của EU*, Nxb. Công Thương, năm 2010, tr. 1-73.
2. Đỗ Đức Bình, *Rào cản môi trường- "Rào cản xanh" của EU và giải pháp vượt rào đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường EU*, Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, số 6, năm 2009, tr.27-35
3. Ngô Duy Ngọ, *Hệ thống thuế quan và phi thuế quan của Liên minh Châu Âu*, Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, số 8, năm 2009, tr.23-32.
4. Bùi Nhật Quang, *Điều chỉnh chính sách thương mại của Liên minh Châu Âu trong bối cảnh phát triển mới*, Nxb. Khoa học Xã hội, năm 2008.
5. Trần Nguyễn Tuyên, *Liên minh Châu Âu trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế*, Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, số 5, năm 2010, tr.24-31.
6. Bartels, *The trade and development policy of the European Union*, European Journal of International Law, số 4, năm 2007, tr.715-756.
7. Woolcock, *The Treaty of Lisbon and the European Union as an Actor in international trade*, ECIPE Working Paper, số 1, năm 2010.
8. Duer A, *Bargaining Power and Trade Liberalization: European External Trade Policies in the 1960s*, European Journal of International Relations, số 4, năm 2008, tr.645-671.